

Bài văn mẫu Chứng minh Trao duyên là khúc dạo đầu đầy bi thương oai oán của Thúy Kiều Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

***Chứng minh Trao duyên là khúc dạo đầu đầy bi thương oai oán của Thúy Kiều  
Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1***

Truyện Kiều là sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Du và là tác phẩm kinh điển trong kho tàng văn học Việt Nam. Đoạn trích trao duyên là đoạn trích mở đầu cho chuỗi ngày lưu lạc của Thúy Kiều, là thời điểm chấm dứt mối tình đẹp giữa Kiều và Kim Trọng.

Toàn bộ đoạn trích thể hiện nỗi lòng và tâm trạng của Thúy Kiều khi phải dứt tình với Kim Trọng. Bằng tài năng của mình Nguyễn Du luôn “gài” nhân vật vào tình thế hiểm để buộc nhân vật phải bộc lộ sâu sắc tính cách. Thế hiểm của Kiều là thế trao duyên - tức là cái thế dồn tận chân tường. Cái khổ nhất của người đàn bà chưa phải là mất tình duyên, mà là phải chính mình trao duyên mình cho kẻ khác (dù là em gái). Khó khăn đối với cả nhân vật và tác giả là: Kiều làm sao có thể thuyết phục được Thúy Vân chấp nhận mối tình của Kiều trao lại một cách thoải mái, trong khi chính Kiều cũng cảm thấy không thoải mái chút nào - nói đúng hơn là Kiều dứt ruột trao duyên? Tài năng của Nguyễn Du là đã khơi đúng dòng chảy tâm lý tinh tế, phức tạp, đầy mâu thuẫn của Kiều, qua lời thỉnh cầu thiết tha và lời sám hối nhức buốt của người đàn bà bất hạnh.

Mở đầu đoạn trích là lời thỉnh cầu chân thành của Thúy Kiều với Thúy Vân:

Cậy em, em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Với giọng điệu của câu mở đầu như vậy, người đọc đã có thể hình dung ra điều mà Thúy Kiều muốn nói là không bình thường, “cậy” (khác “nhờ”): sâu nặng tin cậy với gửi gắm, nương tựa “chịu” (khác với “nhận”) đầy van vi, ép nài. Quả là chỉ đưa mấy chữ, Nguyễn Du đã cân được sức nặng của một tình thế, một tâm trạng - lắt léo, trớ trêu và khó nói. Đặc biệt là tư thế, đảo lộn cả quan hệ chị em (nhất là trong gia đình nề nếp xưa) em “ngồi lên” - quyền uy, chị “lạy”, “thưa” - bệ dưới, nhún nhường. Kiều đã tạo ra tư thế lụy phiền bằng cách hạ mình rất thấp. Kiều ý thức sâu sắc cái khó khăn, tế nhị của tình thế, ở cả phía mình và phía Vân, khiến khúc nhạc dạo đầu của bi kịch trao duyên đã thấm đậm tâm trạng.

Sau khi Vân chịu lắng nghe Kiều nói, Kiều bắt đầu kể lại cảnh ngộ khó xử của mình (câu 3 - câu 8 “giữa đường đứt gánh... hai bề vẹn hai”). Chỉ sáu câu trần thuật

mà gói gọn xử - lý - tình. Sự (nhắc lại chuyện Kiều phải dứt tình thâm với Kim Trọng để bán mình chuộc cha), lý (khi hiểu tình xung đột, Kiều phải hi sinh chữ tình cho chữ hiếu để hợp đạo làm con), tình (thuật chuyện mà cứ thổn thức, nồng nàn nên càng chua chát: đứt gánh tương tư - keo loan - điệp từ “khi”...). “Sự” làm nền, “lý” thuyết phục, “tình” gợi cảm thông. Ba điều ấy hội tụ đủ dọn một con đường cảm thông từ Kiều sang Vân.

Sau khi trình bày hoàn cảnh của mình với Vân, Vân cũng thể hiện thái độ đồng cảm với chị mình nên Kiều mới tha thiết thỉnh cầu (câu 9 đến 12: “Ngày xuân em hãy còn dài... còn thơm lây”). Lời thỉnh cầu có ba tầng bậc: cậy vào tuổi trẻ của Vân “hãy còn dài”, tha thiết hơn là cậy đến chỗ thăm sâu của “tình máu mủ” để đẩy tới cao trào là lấy cả linh hồn kẻ bạc phận để biết ơn “ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”. Ba tầng bậc cũng hướng về một nguyện ước “thay lời nước non”. Thật tha thiết, chân thành mà chặt chẽ. Kiều tỏ ra rất hiểu mình, hiểu người - điều tạo nên sức mạnh thuyết phục. Nhiệm vụ chính đã hoàn thành.

Khi căn dặn Vân mọi bề, Kiều mới lấy những kỉ vật của mình với Kim Trọng trao cho em: chiếc thoa, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyên... Bây giờ tình yêu không còn là hoài niệm mà hiện diện đầy đủ trong kỉ vật. Kiều cảm thấy mình đứng trước sự mất mát to lớn không gì bù đắp được. Cho nên, tay Kiều trao mà hồn Kiều run lên:

Duyên này thì giữ, vật này của chung.

Tình yêu là thứ không thể chia sẻ, nhưng khi trao duyên cho em, Kiều vẫn cố níu kéo một chút gì trong hai chữ “của chung”. Đó là nỗi bất lực trước một tình thế tuyệt vọng. Oái oăm thay, càng vót vát, Kiều càng nhận ra sự mất mát. Cái vô lý của lời là cái có lý của một trái tim si tình đang giãy giụa. Nỗi đau phát triển thành hình ảnh oan hồn thật dữ dội (từ câu 19 đến 26: “Mai sau dầu có bao giờ... Rẫy xin chén nước cho người thác oan”). Vì sao có hình ảnh thảm khốc này? Với Kiều, tình yêu là toàn bộ cuộc sống, nên tình mất, nghĩa là Kiều cũng chết. Hồn oan là một cái chết tinh thần, là ác mộng của kẻ đang tuyệt vọng. Hồn oan được miêu tả với hai câu đặc sắc: xóa nhòa hai ngôn ngữ (lời đối thoại với Vân thành lời độc thoại của Kiều - nỗi đau làm Kiều đánh mất ý thức về hoàn cảnh), xóa nhòa hai thế giới (thế giới thực hòa tan vào thế giới ảo, cõi âm vọng lời lên cõi trần, gợi ra hình ảnh hết sức ảo não mong manh nhưng sâu nặng vô cùng: “Trông ra ngọn cỏ lá cây - Thấy hiu hiu gió thì hay chị về”). Hai chữ “chị về” thật quyết liệt: Kiều chỉ muốn chết thể xác mà không muốn chết tinh thần, tức là quyết giữ lấy cái đang bị mất, Kiều tội cùng đau thương, song cũng tội cùng với sự chống trả số mệnh. “Dầu lia ngó ý, còn vương tơ lòng” - Kiều chao đảo giữa mất và còn, giữa trao đi và giữ lại, giữa bị tước đoạt và quyết giữ... Chính sự mâu thuẫn này làm hồn ma kia trở nên

sát người, tiếng nói như vọng từ cõi âm mà rất trần thế. Lòng Kiều với đời, với tình yêu không gì phá vỡ được.

Sau khi trao gửi mọi thứ cho Vân, Kiều bắt đầu độc thoại với nội tâm của mình. Kiều càng bị giằng xé: một bên là nỗi mất mát không gì cứu vãn nổi (trâm gãy, bình tan, tơ duyên ngắn ngủi...) một bên là dòng thác tình yêu càng thêm cuộn xiết (kể làm sao xiết muôn vàn ái ân). Càng nghĩ, hình ảnh Kim Trọng càng hiện rõ, bị kịch đẩy tới đỉnh điểm khi bóng hình Kim Trọng trùm lên, choáng ngợp hồn Kiều. Kiều thét lên để rồi chết ngất đi trong tiếng thét xé lòng của chính mình:

Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

Tên Kim Trọng vang lên hai lần trong một câu thơ, vừa nồng nàn vừa cuồng quýt. Cuồng quýt mà biết bao trân trọng: “Kim lang” (chứ không gọi chính tên). Từ “phụ” tạo một lối rẽ tâm lý bất ngờ. “Phụ” là bội ước, bội bạc. Tại sao Kiều - con người như biểu tượng của chu đáo, ân tình, chuyện bán mình là do hoàn cảnh khách quan dồn đến chân tường, không cho nàng một sự lựa chọn nào khác - bắt ngờ lại tự phủ định, tự trút lỗi cho mình? Phải chăng có một chút lúng túng trong bút pháp Nguyễn Du, tác giả đã đi chệch đường biên của logic nghệ thuật? Phải chăng Kiều hoảng loạn nên mất thăng bằng?

Toàn bộ đoạn trích là nỗi lòng, là tình cảm của Kiều dành cho Kim Trọng. Dòng chảy tâm trạng Kiều bị chi phối bởi chiều sâu tính cách. Kiều sám hối không phải vì tội lỗi mà vì nhân cách. Logic của Kiều là logic của trái tim: tình thương của Kiều dành cho Kim Trọng lớn tới mức Kiều quên cả bản thân mình. Kiều thương nỗi đau của Kim Trọng hơn nỗi đau của mình, tạo ra một mặc cảm tội lỗi mà đầy cao thượng. Cho nên chữ “phụ” thấp sáng vẻ đẹp nhân cách của nàng Kiều.

Đoạn trích thể hiện nội tâm sâu sắc của Thúy Kiều, nàng đã phải trải qua sự đau khổ nhất trong cuộc đời đó là trao duyên cho người khác. Vì bất đắc dĩ phải làm chuyện đó nên nàng luôn dằn vặt, điều đó thể hiện nhân cách cao đẹp của nàng Kiều và thể hiện giá trị nhân văn cao cả của tác phẩm. Tác giả đã có sự đồng cảm sâu sắc với nhân vật phải chịu những bất hạnh quá lớn trong đời.

***Văn mẫu lớp 10 Chứng minh Trao duyên là khúc dạo đầu đầy bi thương oái oán của Thúy Kiều mẫu 2***

Nền văn học Việt Nam trải qua bao thời đại, bao biến thiên mới có được những thành tựu rực rỡ như hôm nay. Các nhà thơ lớn trong những tác phẩm vĩ đại của mình đã gửi gắm biết bao triết lý, thông điệp về con người. Thơ là tiếng khóc nức

nở hướng đến con người trong đau thương, bất hạnh. Thơ là tiếng cười hân hoan cho niềm vui, hạnh phúc của con người. Thơ là người bạn đồng hành của con người qua bao nhiêu thế kỉ. Bàn về thơ, có ý kiến cho rằng: “Thơ hay là thơ có một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại đối với con người”.

Ý kiến trên đặt ra tiêu chuẩn của một bài thơ hay. Thơ hay phải là thơ hướng đến con người, thể hiện nỗi thấu hiểu, đồng cảm cho cuộc đời và số phận con người, dành cho con người tình thương yêu, sự trân trọng, đề cao. Đó không phải là sự đồng cảm bình thường mà là sự đồng cảm lớn lao, mãnh liệt, quảng đại. Vậy thì một nhà thơ đích thực phải có một trái tim nhân ái, bao dung để yêu thương và chia sẻ với con người bằng những tình cảm sâu nặng nhất.

“Truyện Kiều” của Nguyễn Du là áng thơ bất hủ trong nền văn học Việt Nam. Nó là sự kết tinh của những giá trị tinh tú, quý giá nhất của văn chương dân tộc. Trải qua bao đời, “Truyện Kiều” đã trở nên bất tử trong lòng người bởi ở đó chứa bao nhiêu nỗi niềm của Nguyễn Du dành cho con người. Giá trị lớn nhất của Truyện Kiều là giá trị nhân đạo thể hiện qua một nỗi đồng cảm tha thiết cho số phận và khát vọng của con người. “Trao duyên” – một đoạn trích tiêu biểu trong “Truyện Kiều” thể hiện rõ điều ấy.

“Trao duyên” là bi kịch đầu tiên và cũng là bi kịch đau đớn trong cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của Kiều. Trong những lời thơ đầy nước mắt, Nguyễn Du với lòng cảm thông mãnh liệt của mình đã diễn tả sâu sắc nỗi đau đớn, xót xa của Thúy Kiều khi nàng phải tự trao đi mối duyên đẹp của mình. Đồng thời, nhà thơ cũng lắng nghe, trân trọng khát vọng tình yêu và vẻ đẹp nhân cách của nàng.

Trong hai câu thơ đầu tiên “Cậy em, em có chịu lời/ Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”, Nguyễn Du đã mở ra một không khí, một cảnh ngộ đặc biệt. Lời nói của Kiều đối với Thúy Vân không còn là ngôn ngữ bình thường giữa chị đối với em trong một gia đình mà là thái độ nhún nhường hết mức. Vậy thì điều sắp nói ra chắc hẳn phải rất khó nói. Nguyễn Du đã sử dụng những từ ngữ độc đáo như “cậy, chịu, nhận, thưa” để diễn tả thái độ van xin của Kiều. Từ “cậy” thể hiện sự nhờ cậy một cách bức thiết, còn từ “chịu” thể hiện sự chấp nhận không thể từ chối. Kiều đã hạ thấp mình để lạy lụy, van lơn Thúy Vân để nhờ em thay mình trả nghĩa.

Để thuyết phục Vân chấp nhận lời đề nghị của mình, Kiều đã kể về hoàn cảnh:

“Kể từ khi gặp chàng Kim

Khi ngày quạt ướt, khi đêm chén thè

Sự đầu sóng gió bất kì

Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai”

Kể từ lúc gặp chàng Kim, tình cảm hai người mặn nồng, thắm thiết. Kiều như được sống trong những ngày tháng hạnh phúc với bao kỉ niệm đẹp “ quạt ướm, chén thề”. Thế nhưng, tai họa bất ngờ ập đến “sự đâu sóng gió bất kì” vùi dập tình yêu đôi lứa. Kiều đã chấp nhận hi sinh tình yêu cao đẹp của mình để bán mình chuộc cha. Hoàn cảnh ấy tội nghiệp biết bao. Thúy Vân khó có thể chối từ.

Kiều tiếp tục thuyết phục em thay mình nói nghĩa chàng Kim:

“Ngày xuân em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín suối vẫn còn thơm lây”

Hình ảnh ẩn dụ “ngày xuân” chỉ tuổi trẻ, tuổi thanh xuân . Khi nói “ngày xuân em hãy còn dài”, Kiều xót xa nghĩ rằng tuổi xuân của mình đã hết. Một mai bước chân theo người ta nghĩa với việc cuộc đời chấm hết. Nguyễn Du đã miêu tả thật sâu sắc tâm trạng, nỗi lòng của nàng. Thành ngữ “thịt nát xương mòn” làm tăng thêm tính bi kịch trong cuộc đời Kiều. Nàng nghĩ đến một cái chết vô cùng thảm khốc. Vây mà trong đau khổ, tuyệt vọng nàng vẫn phải cố “ ngậm cười” để nhờ em trả nghĩa giúp mình. Nỗi đau ấy vì thế càng trở nên thống thiết.

Sau khi trao duyên, Kiều trao kỉ vật cho em mà lòng đau nhói:

“Chiếc vành với bức tờ mây

Vật này thì giữ duyên này của chung”

Tay trao mà lòng không muốn trao. Nàng trao kỉ vật cho em mà vẫn muốn nó là “của chung” để hoài vọng về tình yêu một thời nồng nàn, cháy bỏng. Ta cảm nhận được từ hai câu thơ này một khát vọng tình yêu nồng nàn, không bao giờ phai nhạt trong lòng Kiều.

Những câu thơ tiếp theo là lời Kiều dặn dò em nhưng nghe uất nghẹn, thương đau như lời vọng về từ thế giới bên kia:

“ Mai sau dù có bao giờ

Đốt là hương ấy so tơ phím này

Trông ra ngọn cỏ lá cây

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về

Hồn còn mang nặng lời thề

Nát thân bồ liễu đèn nghì trúc mai”

Kiều nghĩ mình chết oan, hồn bay vờ trong gió nhưng vẫn không quên được tình yêu, vẫn muốn trở về với người yêu bằng linh hồn, vẫn muốn “nát thân bồ liễu” để “đèn nghì trúc mai”. Tình yêu ấy thủy chung, son sắc đến độ nào.

Đoạn thơ cuối, Kiều trở về đối diện với chính mình để nỗi cô đơn dâng trào trong nhưng lời độc thoại chua chát:

Bây giờ trâm gãy gương tan

Kẻ làm sao xiết muôn vàn ái ân

Trăm nghìn gửi lạy tình quân

Tơ duyên ngắn ngủi có chừng ấy thôi

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng

Òi Kim Lang ! Hỡi Kim Lang

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây”

Những thành ngữ dân gian như “trâm gãy gương tan”, “phận bạc như vôi”, “nước chảy hoa trôi”... diễn tả sâu sắc thân phận chua chát, đắng cay cùng bao nhiêu đau đớn tuyệt vọng, chua chát trong lòng Kiều. Giờ đây tất cả đối với nàng đã chia lìa, tan vỡ. Nàng mỏng manh, tội nghiệp như cánh hoa trôi tan tác, lỡ làng. Trong hai câu cuối, tên Kim Trọng hiện lên hai lần trong một tiếng gọi thảng thốt. Kiều mang trong mình mặc cảm tội lỗi với chàng Kim. Nàng nghĩ mình đã phụ chàng Kim. Điều đó làm nổi bật nhân cách trong sáng của nàng.

Có thể nói với đoạn trích “Trao duyên”, Nguyễn Du đã thấu hiểu, đồng cảm sâu sắc cho bi kịch của nàng Kiều. Ông cảm thương cho thân phận nàng đồng thời trân trọng khát vọng hạnh phúc, ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn nàng – một người phụ nữ đã hy sinh vì gia đình, lại phải nhờ em thay mình trả nghĩa chàng Kim vậy mà vẫn không

quên được tình yêu, vẫn luôn hướng về người yêu và mang nặng trong lòng mình cảm giác có lỗi với người yêu. Tấm lòng ấy, nhân cách ấy trong sáng đến độ nào.

Có một nhà văn từng nói “ Nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Nhận xét ấy rất đúng với đại thi hào Nguyễn Du. Chỉ trong một đoạn trích nhỏ là “Trao duyên” ta đã có thể cảm nhận được tấm lòng nhân ái mệnh mông của ông thể hiện trong sự đồng cảm mãnh liệt cho số phận, khát vọng và nhân cách của con người.